UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 271 /BC-UBND	*Bảo Lâm, ngày 11 tháng 5 năm 2023*

BÁO CÁO

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về "chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trường"

Thực hiện Công văn số 1233/STNMT-BVMT ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng về việc cung cấp thông tin xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khoá XI. Công văn số 598-CV/HU ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Huyện uỷ về việc báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về "chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường". Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Bối cảnh chung

Bảo Lâm là một huyện miền núi nằm ở Huyện nằm ở phía tây của tỉnh Cao Bằng, phía bắc và tây bắc giáp huyện Mèo Vạc (Hà Giang), Phía đông bắc có 4,557 km đường biên giới giáp Trung Quốc, phía tây nam giáp huyện Bắc Mê (Hà Giang), phía nam giáp huyện Na Hang (Tuyên Quang), phía đông giáp huyện Bảo Lạc.

Toàn huyện có diện tích đất tự nhiên là 91.306,15 ha, địa hình chia cắt phức tạp, chủ yếu là đồi núi cao, có độ dốc lớn, diện tích đất sản xuất nông, lâm nghiệp thấp. Bảo Lâm gồm 12 xã và 01 thị trấn. Tổng dân số của huyện trên 66.041 người với 9 thành phần dân tộc khác nhau: Kinh, Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô... cùng chung sống. Trong đó dân tộc Mông chiếm tới 48,6% tổng dân số toàn huyện. Trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán còn lạc hậu, cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, kinh tế chưa phát triển, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Trong những năm gần đây nền kinh tế của huyện bước đầu đã có mức tăng trưởng khá, chuyển biến tích cực theo cơ chế thị trường, các thành phần kinh tế đa dạng phong phú và phát triển. Các ngành sản xuất dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng đều có bước phát triển đáng kể, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên trong những năm qua dưới tác động của biến đổi khí hậu, huyện phải đối mặt với nhiều tác động của thiên tai và các tình trạng thời tiết

cực đoan như mưa lớn gây sạt lở đất, mưa đá phá hoại nhà cửa, cây cối, hoa màu. Mùa khô thiếu nước sinh hoạt, tưới tiêu, nhất là các xã vùng cao, mùa đông lạnh giá thiếu nguồn thức ăn cho gia súc, làm chết gia súc… gây ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế và đời sống nhân dân tại địa phương. Chính vì vậy, trong những năm qua, huyện Bảo Lâm đã chú trọng và triển khai nhiều giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu theo các nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Tình hình hình triển khai thực hiện

Sau khi Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành trung ương (khoá XI) về "chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường" được triển khai đến Huyện Bảo Lâm, nhận thức được vai trò quan trọng của Nghị quyết Huyện uỷ Bảo Lâm đã ban hành Kế hoạch số 69-KH/HU ngày 16/7/20213 về Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương đảng (khoá XI) và các chỉ thị, Nghị quyết Trung ương, của tỉnh. Trong đó thực hiện quán triệt sâu sắc các chủ trương, quan điểm, phương hướng của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành trung ương (khoá XI) về "chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường" đến toàn thể các cấp Uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị để thực hiện.

Trên cơ sở học tập những nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành trung ương. Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm đã đã triển khai sâu rộng đến các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn và đông đảo nhân dân trên địa bàn về tầm quan trọng của Nghị Quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI trong việc *"chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường"*. Hàng năm Uỷ ban nhân dân huyện đều ban hành kế hoạch kiểm tra giám sát công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 24-NQ/TW; Giao phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan trủ trì phối hợp với phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các hoạt động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hàng năm tham mưu tổng hợp đề xuất báo cáo, kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện với UBND huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị Quyết 24-NQ/TW được thực hiện nhiều hình thức phong phú đa dạng: hội nghị tuyên truyền, tuyên truyền trên hệ thống trực quan pa nô, băng zôn, khẩu hiệu, thông tin lưu động, đài truyền thanh.... lồng ghép trong các cuộc họp tại các cơ quan đợn vị; Sau 10 năm thực hiện triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW công tác bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả nhất định, các cấp uỷ, chính quyền và người dân ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ tài nguyên bảo vệ môi trường

từ đó sử dụng nguồn tài nguyên tiết kiệm, có hiệu quả tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong tương lai *(gửi kèm phụ lục 02 kết quả xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài... tuyên truyền trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW).*

Cụ thể các danh mục văn bản ban hành liên quan đến nội dung học tập và triển khai thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về "chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Kế hoạch số 69-KH/HU ngày 16/7/20213 về Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương đảng (khoá XI) và các chỉ thị, Nghị quyết Trung ương, của tỉnh.

- Kế hoạch số 1007/KH-UBND huyện ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân huyện về việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường.

- Kế hoạch số 327/KH-UBND huyện ngày 15 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện về việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường năm 2021 trên địa bàn huyện.

- Công văn số 268/UBND-TNMT ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân huyện về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn các xã, thị trấn; Công văn số 315/UBND-TNMT ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm về việc tăng cường công tác quản lý chất thải rắn, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

- Công văn số 2655/UBND-TNMT ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc triển khai thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ vàng Thẩm Riềm, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- Công văn số 2460/UBND-TMMT ngày 31 tháng 10 năm 2022 V/v triển khai thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư.

- Công văn số 2167/UBND-TNMT ngày 05/9/2022 về việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn huyện Bảo Lâm.

- Công văn số 2246/UBND-TNMT ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm về việc tăng cường triển khai thực hiện Luật bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn huyện.

- Công văn số 2396/UBND-TNMT ngày 07/10/2022 về việc tăng cường rà soát, kiểm tra giám sát các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Công văn số 2383/UBND-TNMt ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm về việc chấn chỉnh thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong thi công, xây dựng công trình trên địa bàn huyện.

- Công văn số 2274/UBND-TNMT ngày 19 tháng 9 năm 2022 về việc thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường nông thôn.

- Kế hoạch số 3020/KH-UBND ngày 07/12/2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm thực hiện phân loại, xử lý, tái chế chất thải tập trung và phân tán trên địa bàn huyện Bảo Lâm giai đoạn 2022-2025.

- Hàng năm tham mưu lập kế hoạch, thông báo tổng vệ sinh định kỳ các cơ quan, đơn vị, trường học, các tuyến phố trên địa bàn thị Trấn Pác Miầu, huyện; Hằng năm triển khai tổ chức hưởng ứng các ngày lễ về môi trường như ngày Đất ngập nước thế giới, Ngày Nước Thế giới, Ngày Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2023, Quốc tế đa dạng sinh học, Bảo vệ chim di cư…

- Công văn số 2630/UBND-PCTT ngày 31/10/2022 của Uỷ ban nhân dân huyện về việc phối hợp phổ biến giới thiệu cuộc thi làm video "1 phút xanh" Giảm nhẹ rủi do thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 của UBND huyện thành lập Ban Chỉ huy PCTT&TKCN; Hàng năm Tổ chức Kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN (*khi có thay đổi nhân sự*); Xây dựng phương án PCTT và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban chỉ huy để điều hành, chủ động xử lý kịp thời các tình huống khi thiên tai xảy ra

- Chỉ Thị số 24-CT/HU ngày 17/12/2023 của BTV Huyện uỷ về Tăng cường công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023

- Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai huyện Bảo Lâm giai đoạn 2021-2025.

- Ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về rủi do, ứng phó với biến đổi khí hậu để cải thiện khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu cho cán bộ cấp huyện, xã trên địa bàn huyện Bảo Lâm với sự tham gia đông đảo của UBMTTQ Việt Nam huyện, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Huyện Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động huyện, các phòng ban chuyên môn của huyện, lãnh đạo và công chức địa chính cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW VÀ KẾT LUẬN 56-KL/TW

1.1. Ứng phó với biến đổi khí hậu

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra để bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, trong thời gian quan, Huyện Bảo Lâm đã triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện truyền thông; qua đó, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và toàn dân về vấn đề này đã có bước chuyển biến tích cực. Các hoạt động thích ứng với với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ tài nguyên, môi trường đã được triển khai và đạt một số kết quả bước đầu:

- Hằng năm rà soát các vùng có nguy cơ sạt lở cao, hỗ trợ người dân di dời ra khỏi vùng nguy hiểm; Phát động ủng hộ quỹ phòng, chống thiên tai; hỗ trợ người dân bị thiệt hại sau mùa mưa lũ...Phối hợp với các đơn vị lắp đặt các trạm khí tượng thuỷ văn trên địa bàn huyện nhằm tăng khả năng dự báo thời tiết từ đó ứng phó kịp thời đối với các rủi do do hiện tượng thời tiết cực đoan gây ra.

- Đổi mới phương thức sản xuất như trồng rừng, áp dụng các loại cây trồng chống chịu với sự biến đổi của khí hậu; đầu tư tu sửa, nâng cấp, xây mới các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp đảm bảo hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững. Cụ thể thực hiện chương trình kiên cố hoá các kênh mương trên địa bàn các xã như: Nam Quang, Quảng Lâm, Yên Thổ, Thái Học, Lý Bôn, Quảng Lâm….đến nay số kênh mương được kiên cố hoá: 180,04 km

- Chỉ đạo Hạt kiểm lâm huyện phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác tuần tra các khu vực có rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn trên địa bàn, công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Hằng năm rà soát báo cáo kết quả biến động rừng, hoàn chỉnh dữ liệu theo dõi diến biến rừng (dạng số) để phục vụ quá trình theo dõi kiểm tra giám sát. Trong giai đoạn 2019 đến nay đã ngăn chặn được 02 vụ cháy rừng, tăng cường phủ xanh đồi trọc, có nhiều biện pháp khuyến khích người dân trồng rừng như cung cấp cây giống, phân bón và công tác hướng dẫn người dân kỹ thuật trồng rừng. Qua đó tỷ lệ che phủ rừng có nhiều chuyển biến tích cực tăng từ 40,2% năm 2019 lên 44,28% năm 2022 góp phần tích tực trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện.

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu đã được UBND huyện quan tâm thực hiện gắn với công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm, cứu nạn. Huyện Bảo Lâm cũng đã ban hành các văn bản làm cơ sở pháp lý để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu từ huyện đến cơ sở như: Xây dựng kế hoạch phóng chống thiên tai hằng năm , thành lập Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, các phương án phòng tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào huyện... Thực hiện tốt phương châm "bốn tại chỗ", chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư, vật liệu, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cứu hộ người, tài sản, sản xuất và công trình, khắc phục kịp thời hậu quả trong và sau thiên tai, đảm bảo sớm ổn định đời sống và tái sản xuất của Nhân dân. Chủ động sử dụng các nguồn lực của địa phương để xử lý, khắc phục kịp thời hậu quả thiên tai.

1.2. Về quản lý tài nguyên

Huyện Bảo Lâm có nguồn Tài nguyên khoáng sản tương đối dồi dào như: Antinmon, vàng, barit, chì, kẽm, đồng... trên địa bàn huyện có 03 đơn vị được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Hằng năm Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khoáng sản đến các thôn xóm và toàn thể nhân dân trên địa bàn; Lập kế hoạch kiểm tra công tác khoáng sản hằng năm, phát hiện và xử lý các hành khai thác khoáng sản trái pháp luật. Đồng thời hướng dẫn người dân ký cam kết không tham gia khai thác khoáng sản trái pháp luật trên địa bàn huyện. Kết quả, các xã, thị trấn đã tổchức 80 cuộc tuyên

truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản lồng ghép trong các cuộc họp của xã, xóm với 5.670 lượt người tham gia**.**

Công tác quản lý, sử dụng đất đai ngày càng hiệu quả và tiết kiệm. Việc khai thác tài nguyên đất đai trong thời gian gần đây đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nguồn lực đất đai được bố trí khá hợp lý. Hàng năm UBND huyện xây dựng kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, làm cơ sở cho việc giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện các dự án, đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Công tác đo đạc lập bàn đồ, hồ sơ địa chính cơ bản được hoàn thiện. Các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên môi trường điện tử ngày càng được người dân biết đến, việc đơn giản hoá các thủ tục hành chính góp phần giải quyết một cách nhanh chóng, đơn giản hơn cho người dân qua đó giảm tình trạng đơn tư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính khách quan của người đứng đầu, tham mưu công tác quản lý về đất đai.

1.3. về bảo vệ môi trường

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW công tác môi trường trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực, dần đi vào nề nếp. Việc phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm đã được chú trọng, hoạt động tuyên truyền, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đã đem lại một số kết quả tích cực, giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hiệu lực quản lý Nhà nước được nâng lên. Hằng năm chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn, triển khai các văn bản của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường. Thông qua các hoạt động tuyên truyền từng bước nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn về công tác bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn huyện Bảo Lâm có 02 cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là Trung tâm y tế (Bệnh viên đa khoa huyện Bảo Lâm) và 01 bãi choon lấp rác thải trung tâm huyện. Kết quả đã khắc phục xong 01 cơ sở là Trung tâm y tế huyện và đang nâng cấp và cải tạo Bãi chôn lấp rác thải tại Khu 1, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm theo tiêu chuẩn của Bộ xây dựng; 07/12 xã có bãi chôn lấp rác thải được đầu tư đơn giản, không đạt quy định theo tiêu chuẩn của Bộ xây dựng gồm: xã Nam Cao, Vĩnh Phong, Vĩnh Quang, Lý Bôn, Thái học, Thái Sơn, Yên Thổ. Công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện cũng có sự chuyển biến tích cực cụ thể: Huyện có 01 thị trấn và 7/12 xã được hỗ trợ kinh phí thu gom rác thải sinh hoạt tại trung tâm thị trấn, các điểm chợ trên địa bàn xã. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 70%, rác thải sinh hoạt nông thôn đạt khoảng 20% góp phần bảo vệ môi trường nâng cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện; Ngoài ra chất lượng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện được hoàn thiện, góp phần giảm đáng kể ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn.

Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 96%; tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom xử lý đạt: 100%. Việc tái sử dụng hoặc tái chế rác thải sinh hoạt hiện nay được thực hiện bởi các hộ kinh doanh đơn lẻ, thu gom phế liệu, thu gom chất thải nhựa và một số loại chất thải rắn kim loại trên địa bàn huyện sau đó thực hiện chuyển giao (bán) cho các cơ sở thu mua phế liệu lớn hơn.

Công tác thanh, kiểm tra về lĩnh vực môi trường cũng đạt được nhiều kết quả từ năm 2013 đến nay đã tổ chức trên 40 cuộc thanh, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường đồng thời phối hợp, ngăn chặn và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm về môi trường; Phối với các cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện thanh kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với một số đơn vị trên địa bàn.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ (Nhiệm vụ tổng hợp liên quan đến cả 3 lĩnh vực (ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường)

a. *Về ứng phó với biến đổi khí hậu*

Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Hàng năm chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và UBND các xã, thị trấn chỉ đạo về khung thời vụ, xác định cơ cấu giống cây trồng phù hợp với điều kiện địa phương, nghiên cứu áp dụng các giống cây trồng chống chịu với sự biến đổi của thời tiết cũng như theo dõi kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người dân trong sản xuất. Quan tâm chỉ đạo chăm sóc các cây trồng chính theo kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt để đảm bảo năng suất, chất lượng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về việc chấp hành pháp luật đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện (Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng) chuyển đổi cơ cấu giống phù hợp với điều kiện sản xuất và thị trường tiêu thụ, trong đó chú trọng sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu với những điều kiện bất lợi về thời tiết, dịch bệnh.

Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai:

Các thông tin về cảnh bảo thiên tai được UBND huyện theo dõi chặt chẽ diễn biến; cảnh báo kịp thời, đầy đủ, đến người dân để ứng phó chính xác, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, vùng, miền, nhất là các địa phương ven biển, vùng dễ bị tổn thương trước thiên tai:

- UBND huyện luôn chủ động các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai như: thành lập BCH phòng chống lụt bão tìm kiếm cứu nạn, lập kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm, có phương án hỗ trợ kịp thời các

trường hợp ảnh hưởng do thiên tai, kêu gọi mọi người dân trên địa bàn đóng góp, hỗ trợ Quỹ phòng chống thiên tai; cụ thể một số nhiệm vụ đưa ra để phòng tránh thiên tai:

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng. Kiểm soát việc xây dựng nhà ở, công trình cơ sở hạ tầng ven sông, nằm trong vùng ngập lụt, nhất là công trình giao thông, khu dân cư, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng để hạn chế gia tăng rủi ro thiên tai, ảnh hưởng đến thoát lũ. Quản lý chặt chẽ khai thác tài nguyên khoáng sản,sử dụng bãi sông

- Xây dựng, củng cố đội ngũ báo cáo viên để tổ chức đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai tại các cấp.

- Đầu tư, nâng cao năng lực cho lực lượng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng chuyên nghiệp, có đủ phương tiện, trang thiết bị để xửlý hiệu quả các tình huống khẩn cấp; phát huy tốt vai trò của lực lượng thường trực cứu hộ, lực lượng dân quân... theo phương châm "4 tại chỗ".

- Đẩy mạnh công tác truyền thông bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về phòng, chống thiên tai cho từng nhóm đối tượng, phổ biến kỹ năng ứng phó, bảo đảm an toàn trước thiên tai cho người dân, đặcbiệt là tại khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt, sạt lở đất, lũ, lũ quét. Tăng cường phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong nhà trường, nhất là cấp tiểu học và trung học cơ sở.

- Chú trọng bảo đảm thông tin, truyền tin thiên tai đến người dân tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ di dời về nhà ở tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lởđất, nhất là đối với các hộ nghèo, khó khăn nhằm nâng cao khả năng chống chịu, bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân trước thiên tai.

- Đầu tư sửa chữa dứt điểm đập, hồ chứa thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp; từng bước đầu tư nâng cấp, xây dựng bổ sung đập, hồ chứa và hệ thống thủy lợi để bảo đảm an ninh nguồn nước; nâng cao năng lực quản lý, theo dõi, giám sát, vận hành hồ đập, hệ thống thủy lợi. Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đảm bảo phù hợp với những thay đổi về mục tiêu cắt, giảm lũ, cấpnước cho hạ du và phát điện của các đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính:

UBND huyện chú trọng Bảo vệ, bảo tồn và sử dụng bền vững rừng và đất, lâm nghiệp để tăng lượng hấp thụ các-bon; trồng rừng, phát triển rừng, ưu tiên rừng sản xuất có hiệu quả.

Các nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW

Ngay sau khi xảy ra các đợt thiên tai lũ lụt, mưa đá, gió lốc, lũ ống, lũ quét gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước và của nhân dân tại một số xã, thị trấn

trên địa bàn huyện. UBND huyện, Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện đã khẩn trương thành lập các đoàn công tác liên ngành trực tiếp xuống cơ sở phối kết hợp với chính quyền địa phương, lập kế hoạch khắc phục hậu quả, đồng thời hỗ trợ đột xuất những gia đình thiệt hại về nặng về tài sản, nhà cửa... Kịp thời chỉ đạo khắc phục hậu quả trong sản xuất nông nghiệp, nhanh chóng ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân.

b. Về quản lý tài nguyên

Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

- UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt, sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả, bảo vệ diện tích đất nông nghiệp nhất là diện tích đất trồng lúa.

- Tăng cường kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỉ trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng quốc gia. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

- Phát triển sản xuất các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới để thay thế các loại tài nguyên truyền thống. Đối với thủy điện: đến năm 2022 có 05 nhà máy thủy điện bao gồm: Nhà máy thủy điện Nam Quang do Công ty CP thủy điện Ngòi Quang vận hành quản lý; các nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 3, Thuỷ điện Bảo Lâm 1, Thủy điện Mông Ân, Thủy điện Bảo Lâm 3A do Công ty cổ phần xây lắp điện 1 vận hành quản lý; tổng công suất đăng ký 115 Mw, số dự án đi vào hoạt động 05 dự án. Công suất phát điện khi đưa vào khai thác phụ thuộc vào từng năm.

Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá tác động môi trường: Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất kinh doanh,dịch vụ trên địa bàn huyện. Thực hiện nghiêm trình tự thủ tục, thẩm định công tác cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường cụ thể trong giai đoạn năm 2020-2022: Số lượng dự án đầu tư được xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường gồm: 14 dự án; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường: 06 cơ sở; Năm 2022 theo luật Bảo vệ môi trường mới (Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) có: 01 hồ sơ cấp giấy phép môi trường; 01 hồ sơ đăng ký môi trường. Qua đó từng bước phát huy hiệu quả của việc phòng ngừa và kiểm soát các nguồn lây ô nhiễm trên địa bàn huyện.

- Tập chung chỉ đạo xử lý nghiêm các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực môi trường, kịp thời chấn chỉnh việc chấp hành pháp luật về môi trường; tăng tỷ lệ rác thải chôn lấp, hợp vệ sinh trên địa bàn huyện.

- Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp (dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đốt rơm rạ…) ảnh hưởng đến sức khoẻ và đời sống nhân dân: Đã tổ chức tuyên truyền nâng cao kiến thức về ô nhiễm không khí đến cộng đồng dân cư, đặc biệt là vận động nhân dân hạn chế đốt thực bì làm nương rẫy; không đốt chất thải rắn, phụ phẩm nông nghiệp sau mỗi vụ thu hoạch; thực hiện thu gom, xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích để giảm phát sinh khí thải, bụi gây ô nhiễm môi trường, dần hình thành ý thức, thói quen trong cộng đồng dân cư.

Đầu tư xử lý nước thải, nhất là nước thải chứa kim loại nặng, nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị:

Nước thải y tế tại Trung tâm y tế huyện Bảo Lâm được xử lý đảm bảo 100% bằng công nghệ xử lý AAO trước khi xả thải ra môi trường, UBND huyện luôn theo dõi, chỉ đạo Trung tâm y tế huyện thực hiện nghiêm túc việc phân loại rác thải y tế theo đúng quy định.

Tập trung xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải: Trên địa bàn huyện chưa có cơ sở đủ tiêu chuẩn để xử lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại, số lượng loại chất thải này phát sinh với khối lượng ít, được các cơ sở, đơn vị lưu trữ trong kho và tận dụng lại để xử dụng cho những công việc khác.

Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chê tác động do ô nhiêm môi trường đến sức khoẻ của nhân dân.

- Cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn: Trên địa bàn huyên bảo Lâm hiện đã được đầu tư 01 công trình xử lý nước sạch hiện nay đang trong quá trình thi công xây dựng, dự kiến đến năm 2024 đảm bảo cung cấp 80% người dân khu vực thị trấn được sử dụng nước sạch, đảm bảo hợp vệ sinh.

- Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản: Phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đề án đóng cửa mỏ khoáng sản tại mỏ đá vôi Tu Lủng, Khu I, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm và mỏ barit Phiêng Mường, xã Quảng Lâm và Bản Khun, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm.

Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng ngăn chặn sự xâm nhập, phát triển của sinh vật ngoại lai xâm hại.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

a. Kết quả đạt được

Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành có liên quan, trong thời gian qua công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu chung của sự phát triển của huyện, trên địa bàn không có cơ sở, khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ý thưc chấp hành bảo vệ môi trường của cán bộ, nhân dân trên địa bàn ngày một nâng cao. Hệ thống văn bản hướng dẫn về bảo vệ môi trường ngày càng được hoàn thiện, Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường ở cấp huyện, cấp xã thường xuyên được tập huấn về các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường, tập huấn công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; nguồn ngân sách phân bổ cho công tác bảo vệ môi trường do UBND tỉnh hàng năm được sử dụng có hiệu quả góp phần nâng hiệu lực quản lý công tác bảo vệ tài nguyên bảo vệ môi trường.

b. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

*** Hạn chế, yếu kém**

Công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn; chưa có giải pháp xử lý rác thải đối với các khu dân cư sống theo khu vực dọc ven sông nên tình rạng xả rác trực tiếp ra môi trường còn diễn ra ảnh hưởng không nhỏ đến cảnh quan, ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ sinh cảnh; việc sử dụng các công nghệ tiên tiến để xử lý rác thải chưa thực hiện được do kinh phí, quy mô, các nhà đầu tư, cơ sở đủ khả năng xử lý theo quy định còn hạn chế.

Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã mặc dù đã được sắp xết bố trí xong lực lượng còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều công việc. Kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên môi trường chưa đáp ứng được sự nghiệp bảo vệ môi trường chung trên phạm vi toàn huyện.

Khí hậu thường xuyên biến đổi, dịch bệch thiên tai trên địa bàn có diễn biến phức tạp đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Một số bộ phận nhân dân còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước chưa chủ động ứng phó và khắc phục;

Việc thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống còn hạn chế

*** Nguyên nhân:**

Do địa hình bị chia cắt phức tạp, dân cư bố trí thưa thớt, nên việc thu gom và xử lý rác, quy hoạch các bãi rác thải tập trung còn gặp nhiều khó khăn.

Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi

trường. Công tác quản lý và phối hợp giữa các cơ quan chức năng với cơ sở chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên và đồng bộ.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tài nguyên và môi trường nhằm nâng cao nhận thức về quản lý, sử dụng tài nguyên và môi trường chưa thực sự được sâu rộng.

Cán bộ quản lý tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu còn thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý; hiệu lực, hiệu quả thanh kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa cao; chưa phát huy được vai trò của các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, cũng như các phong trào quần chúng tham gia trong giám sát lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Công tác bảo vệ môi trường ứng phó biến biến đổi khí hậu và sự tham gia hưởng ứng từ người dân còn hạn chế, còn thờ ơ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục chỉ đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 56-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhân thức trong công tác bảo vệ môi trường và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Đồng thời rà soát, cập nhật và triển khai các văn bản pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường mới ban hành đến các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện.

2. Tiếp tục xây dựng, triển khai các nhiệm vụ về biến đổi khí hậu; thực hiện quy hoạch theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 dựa trên tình hình thực tế tại địa phương nhằm sử dụng đất đai tiết kiệm, hợp lý, có lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu.

3. Tổ chức đánh giá chất lượng, tiềm năng tài nguyên đất, trong đó tiến hành khai thác có hiệu quả quỹ đất chưa được sử dụng; tiếp tục đẩy mạnh việc hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra đối với các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

4. Thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng thủy văn do các cơ quan có chức năng cung cấp. Quản lý tốt cơ sở dữ liệu, thông tin và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, khoáng sản; Đồng thời, tăng cường phổ biến kinh nghiệm, xây dựng kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho các lực lượng chức năng.

5. Tăng cường khảo sát các điểm sạt lở và đề xuất phương án xử lý kịp thời, hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác giao đất, giao rừng; khoán quản lý bảo vệ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và xử lý nghiêm các đối tượng khai thác rừng trái phép.

6. Tăng cường chỉ đạo, giám sát và thẩm định trong công tác cấp giấy phép môi trường, giám sát việc thực hiện đăng ký môi trường từ cấp cơ sở; Xây dựng kế hoạch phân loại rác thải tại nguồn, tăng tỷ lệ các hộ dân tham gia thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác thu gom rác thải nông nghiệp theo quy định.

7. Tập trung xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn, thu gom, xử lý rác thải; hệ thống xử lý nước thải; quy hoạch các bãi chứa thải, tăng cường các phong trào trồng cây bảo vệ rừng, nghiêm cấm, phát hiện xử lý các trường hợp vị phạm trong chặt phá rừng trái phép.

8. Xác định nhiệm vụ bảo vệ Tài nguyên và Môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu là một nhiệm vụ lâu dài gắn với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội của huyện vì vậy việc thực hiện kết hợp liên ngành, liên vùng, có trọng tâm, trọng điểm giữa các ngành.

9. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai ;Tiếp tục tổng hợp, thống kê, rà soát hiện trạng công trình thủy lợi trên địa bàn, xây dựng các phương án sửa chữa, nâng cấp các công trình hư hỏng.Thực hiện làm tốt công tác phòng chống bão lũ, giảm nhẹ thiên tai, thực hiện di rời dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở theo chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Cần có biện pháp tiếp tục tăng cường hiệu quả các hoạt động quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý nhựa đã qua sử dụng, giảm thiểu phát thải chất thải nhựa ra môi trường. Đánh thuế bảo vệ môi trường đối với các sản phẩm nhựa dùng một lần và hộp xốp dùng một lần.

2. Có chính sách tài chính nhằm thúc đẩy, khuyến khích các hoạt động tái chế chất thải và tái chế chất thải nhựa; ưu đãi, hỗ trợ đối với túi ni - lông thân thiện môi trường, các sản phẩm nhựa tái chế và các vật liệu thân thiện với môi trường.

3. Tăng cường thêm kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện; Bổ sung thêm chỉ tiêu biên chế về công tác quản lý tài nguyên môi trường để thự hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiên Nghị quyết số 24-NQ/TW của ban chấp hành trung ương khoá XI về "Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên và Môi trường của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm./.

Nơi nhận:
- Sở Tài nguyên và môi trường;
- Huyện uỷ Bảo Lâm;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Chinh

Phụ lục 1. Tình hình thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết 24/NQ-TW

(Kèm theo Báo cáo số: 271/BC-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm)

STT	Các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết	Mục tiêu đề ra đến 2020	Hiện trạng 2012(hôặc 2013)'	Kết quả đạt được đến 2022 (hoặc năm gần nhất)
	về ứng phó với biến đổi khí hậu			
	Giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra			
	- Số người chết, mất tích *(so sánh giai đoạn 5 năm trước khi có Nghị quyết với 5 năm 2018-2023)*			
	- Ước tính tổng thiệt hại về tài sản (triệu đồng) *(so sánh giai đoạn 5 năm trước khỉ có Nghị quyết với 5 năm 2018-2023)*			
	Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của ngập lụt			
	- Số điểm ngập úng tại các tỉnh, thành phố đã được xử lý/ tổng số điểm ngập úng - Số điểm ngập úng phát sinh	-		
B	**về quản lý tài nguyên**			
	Đánh giá được tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên đất liền			
	Tài nguyên đất			
	- Tỷ lệ diện tích đất đã được điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai (%)			
	Khai thác hiệu quả và bền vững sinh thải, cảnh quan, tài nguyên sinh vật.			
	- Diện tích/Tỷ lệ diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (ha)	-		Không có
	- Tổng số tiền thu từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (đồng)	-		
	- Sản lượng khai thác gỗ từ rừng tự nhiên (m3)	-		
	Hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô			
	- Tỷ lệ/khối lượng khoáng sản thô xuất khẩu trên tổng lượng khoáng sản khai thác (%) (theo loại khoáng sản)			
c	**về bảo vệ môi trường**			
	Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;			
	- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/QĐ-TTg được xử lý (%)			100%
	- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm	100%		

STT	Các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết	Mục tiêu đề ra đến 2020	Hiện trạng 2012(hoặc 2013)'	Kết quả đạt được đến 2022(hoặc năm gần nhất)
	trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg được xử lý (%)	(theo NQ06/NQ-CP)		
	- số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh tại địa phương			Không có
	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	100% (theo NQ06/NQ-CP)	Không có	Không có
	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.	30% (đô thị loại II); 10% (đô thị loại V trở lên)	Chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý (%)	90%		70%
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu huỷ, xử lý (%)	> 85%	Chưa có cơ sở xử lý chất thải nguy hại; chất thải nguy hại chưa được xử lý theo tiêu chuẩn	Chưa có cơ sở xử lý chất thải nguy hại; chất thải nguy hại chưa được xử lý tiêu chuẩn
	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý (%)	100%		100%
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt (%)	< 30% (theo NQ06/NQ-CP)		70%
	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch (%)		0%	0%
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)		96%	96%
	Tỷ lệ diện tích đất bị ô nhiễm do hóa chất BVTV tồn lưu được xử lý, cải tạo, phục hồi		Không có	Không có
	Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư.			
	-Tỷ lệ số ngày có nồng độ bụi vượt quá tiêu chuẩn cho phép ở các TP lớn (%)	-		
	-Tỷ lệ diện tích đất cây xanh bình quân đầu người trong các đô thị, khu dân cư (m2/người)	-		
	-Tỷ lệ xe buýt công cộng sử dụng nhiên liệu sạch (%)			
	-Thị phần vận tải hành khách công cộng trên tổng nhu cầu đi lại của khu vực đô thị (%)	-		
	Cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn			
	- Tỷ lệ làng nghề được công nhận đáp ứng đầy	-	Không có làng nghề hoạt động	Không có làng nghề hoạt động hoạt động

STT	Các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết	Mục tiêu đề ra đến 2020	Hiện trạng 2012 (hoặc 2013)*	Kết quả đạt được đến 2022 (hoặc năm gần nhất)
	đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường (%)			
	- Tỷ lệ làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	-	Không có	Không có
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới (%)	-	Không có	Không có
	Quản lý khai thác hợp lý, sớm chấm dứt khai thác rừng tự nhiên			
	- Diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên (ha)		Không có	Không có
	- Độ che phủ của rừng (%)			44,28

Phụ lục 2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết 24/NQ-TW

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	2022 (hoặc năm gần nhất)
I.	**Nhiệm vụ chung**		
	Thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh.		
	- Số lượng và loại hình mô hình kinh tế xanh được triển khai, áp dụng		
	- Số lượng và loại hình mô hình công nghiệp xanh được triển khai, áp dụng		
	- Số lượng và loại hình mô hình đô thị xanh, công trình xanh được triển khai, áp dụng		
	- Số lượng và loại hình mô hình nông thôn xanh, nông thôn kiểu mẫu được triển khai, áp dụng		
II.	**Nhiệm vụ cụ thể**		
A.	**về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)**		
	Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu		
	- Số giống cây trồng mới được nghiên cứu, ứng dụng để ứng phó với các tác động của BĐKH ở địa phương		
	- Số giống vật nuôi mới được nghiên cứu, ứng dụng để ứng phó với các tác động của BĐKH ở địa phương		
	- Số lượng, loại hình biện pháp kỹ thuật đã áp dụng trong sản xuất nông nghiệp để thích ứng với BĐKH		
	Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của BĐKH, thường xuyên bị thiên tai		
	- Tỷ lệ người dân được tập huấn/đào tạo nâng cao hiểu biết về thích ứng với BĐKH, thiên tai ở những vùng có nguy cơ cao (%)		

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	**2022 (hoặc năm gần nhất)**
	- Số mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH được xây dựng ở vùng có nhiều rủi ro thiên tai		
	- Số chương trình truyền thông về BĐKH, phòng chống thiên tai được tổ chức		
	Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh. Chủ trọng chăm sóc sức khoẻ nhân dãn trong các vùng bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Phát huy trách nhiệm và huy động các doanh nghiệp, cộng đồng dãn cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.		
	- Số đợt tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ		
	- Số chương trình phòng chống dịch bệnh do thiên tai đã được thực hiện		
	- Các chương trình chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các vùng chịu tác động mạnh của BĐK.H *(Liệt kê tên các Chương trình)*		
	- Số lượng, loại hình mô hình cộng đồng tham gia phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó BĐKH		
	Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước		
	- Số lượng, tỷ lệ % hồ chứa được nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn		
	Nâng cấp các đoạn đê sông xung yêu		
	-Số km, tỷ lệ % chiều dài đê sông xung yếu được nâng cấp		
	Bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trông rừng phòng hộ đâu nguôn.		
	- Diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn		
	Củng cô và xây dựng mới các công trĩnh cáp, thoát nước của các đô thị.		
	- Tỷ lệ phục vụ của hệ thống thoát nước đô thị (%)		
	- Tỷ lệ về phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước mưa của đô thị phù hợp với cao độ nền và thoát nước mặt (%)		
	Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của ngập lụt.		
	Chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất		
	- Tỷ lệ, số hộ dân được di dời, sắp xếp, bố trí ổn định theo chương trình 1776/QĐ-TTG ngày 21/11/2012		
	Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính.		
	Điêu tra, kiêm kê, xây dựng lộ trình, kê hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khỉ nhà kính phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa phương.		
	- Tỉnh, TP đã cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH chưa? *(Xin trả lời Có hoặc Không)*		
	- Tỉnh, TP đã xây dựng Kế hoạch tăng trưởng xanh chưa? *(Xin trả lời Có hoặc Không)*		
	- Tỉnh, TP đã xây dựng Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris chưa? *(Xin trả lời Có hoặc Không)*		

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	2022 (hoặc năm gần nhất)
	Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện nước ta trên cơ sở ho trợ tài chính và công nghệ của các nước và to chức quốc tế.		
	Lĩnh vực nông nghiệp[1]		
	- Trồng trọt		
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong trồng trọt (kỹ thuật canh tác, xử lý rơm rạ, phân bón, chuyển đổi cây trồng,...) đã được áp dụng		
	- Chăn nuôi		
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi (thay đổi khẩu phần thức ăn gia súc, cung cấp bánh dinh dưỡng MUB cho bò sữa, hầm biogas được xây dựng,...) đã được áp dụng		
	Lĩnh vực năng lượng, xây dựng		
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng đã được áp dụng		
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng đã được áp dụng		
	Công nghiệp		
	-Số lượng, loại hình các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp đã được áp dụng		
	- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng biện pháp sản xuất sạch hơn và tăng cường tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu		
	-Số lượng, loại hình các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong công nghiệp đã được áp dụng		
	Giao thông vận tải		
	- Tỷ lệ xe buýt, xe taxi sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên nén, khí hóa lỏng và năng lượng mặt trời (%)		
	- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu đi lại tại các đô thị lớn (%)		
	Ưu tiên thực hiện chương trình giảm phát thải khỉ nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng		
	- Diện tích các mô hình kinh doanh rừng năng suất cao và rừng gỗ lớn (ha)		Không có
	- Diện tích mô hình quản lý rừng tự nhiên bền vững; bảo vệ, bảo tồn và phục hồi rừng (ha)		Không có
	- Diện tích được cấp chứng chỉ rừng hoặc chứng chỉ quản lý rừng bền vững (ha)		Không có
	Nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW		
	- Số lượng, tỷ lệ điểm sạt lở ven sông được xử lý		

[1] Kết quả thực hiện quyết định số 3119/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/12/2011 về đề án giảm phát thải KNK trong nông nghiệp nông thôn đến năm 2020

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	**2022 (hoặc năm gần nhất)**
	- Tỷ lệ hộ dân được di dời ra khỏi các vùng có nguy cơ cao sạt lở bờ sông, sạt lở núi, lũ quét và các nguy cơ thiên tai khác.		
	- Số lượng các công trình thủy lợi được xây dựng để nâng cao khả năng tưới, tiêu nước cho các vùng thường xuyên bị hạn hán, úng ngập nặng		
B	**về quản lý tài nguyên**		
	Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia		
	Coi trọng công tác điều tra cơ bản tài nguyên		
	Tài nguyên đất		
	- Tỷ lệ diện tích đất đã được điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai (ha/%)		
	- Tỷ lệ diện tích đất đã đo đạc lập bản đồ địa chính (%)		
	- Tỷ lệ diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận lần đầu (%)		
	Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.		
	Xây dựng chiến lược bảo vệ, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên quan trọng đối với phát triển đất nước. Hạn chế tối đa, từng bước tiến tới chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô và thúc đẩy chế biến sâu. Định hướng dự trữ, nhập khẩu một số loại khoáng sản quan trọng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của đất nước.		
	Tài nguyên khoáng sản		
	- Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác		
	+ Số dự án/mỏ khai thác khoáng sản trái phép/không có giấy phép	Không có	Không có
	+ Số lượt xử phạt vi phạm hành chính trong khai thác khoáng sản		
	+ Số tiền xử phạt vi phạm hành chính khai thác khoáng sản trái phép/không có giấy phép ...		
	+ Số tổ chức/cá nhân được thanh tra/kiểm tra		
	Tài nguyên rừng		
	- Tổng diện tích đất lâm nghiệp (ha)		40.426,38 ha
	- Diện tích và độ che phủ rừng		44,28
	- Số lượng và Diện tích hệ thống rừng đặc dụng hiện có		Không có
	Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai. Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng. Bảo vệ, phòng, chong hoang mạc hoá, sa mạc hoá.		
	Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lỷ và có hiệu quả		
	- Tỷ lệ các dự án đã giao đất chậm đưa vào sử dụng(%)		
	- Tỷ lệ diện tích các dự án đã giao đất chậm đưa vào sử dụng (%)		
	- Tổng các khoản thu tài chính từ đất đai (VNĐ)		
	- Số lượng các KCN đã hoạt động		
	- Tổng diện tích đất các KCN đã hoạt động (ha)		
	- Tỷ lệ lấp đày các KCN đã hoạt động (%)		

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	2022 (hoặc năm gần nhất)
	- Số lượng các cụm công nghiệp đã hoạt động		
	- Tổng diện tích đất các cụm công nghiệp đã hoạt động (ha)		
	- Tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp đã hoạt động (%)		
	- Thu nhập bình quân/ha đất canh tác nông nghiệp (VNĐ/ha)		
	Kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp		
	- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nẹhiệp (ha)		23,46 (ha) năm2022
	- Tỷ lệ diện tích canh tác có độ phì cao/tổng diện tích đất canh tác nông nghiệp (%)		
	Từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất		
	- Số lượng thửa đất nông nghiệp		
	- Diện tích bình quân/thửa đất nông nghiệp (ha)		
	- Số lượng trang trại		Không có
	- Diện tích bình quân/trang trại (ha)		
	- Số lượng doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp		Không có
	- Diện tích bình quân/doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp (ha)		
	- Số lượng cánh đồng mẫu lớn		
	- Diện tích bình quân/cánh đồng mẫu lớn (ha)		
	- Thu nhập bình quân/cánh đồng mẫu lớn (VND/ha)		
	Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng		
	- Diện tích đất chưa sử dụng được khai thác sử dụng cho các mục đích (ha)		5.552,41 (ha)
	Bảo vệ, phòng, chống hoang mạc hoá, sa mạc hoá		
	- Diện tích, tỷ lệ % đất bị hoang mạc hoá, sa mạc hoá (ha, %)		
	- Diện tích đất bị thoái hóa (ha)		
	Quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên nước		
	- Số lượng mô hình tiết kiệm nước trong nông nghiệp được triển khai áp dụng ở địa phương		
	- Tỷ lệ diện tích áp dụng tưới tiết kiệm nước (tưới nhỏ giọt, tưới		
	- Tỉ lệ thất thoát nước từ hệ thống tưới tiêu trong các công trình thủy lợi (%)		
	- Tỷ lệ các cơ sở công nghiệp áp dụng các giải pháp tiết kiệm nước trong sản xuất (%)		
	- Tỉ lệ thất thoát nước sạch ở đô thị (%)		
	Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thong.		
	- Thủy điện.		
	+ Tổng số dự án thủy điện		05
	+ Tổng công suất đăng ký		115 MW
	+ Tổng số dự án đã đi vào hoạt động		05
	+ Tổng công suất phát điện thực tế (kWh)		
	- Điện gió.		

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	2022 (hoặc năm gần nhất)
	+ Tổng số dự án và tổng công suất đăng ký		
	+ Tổng số dự án và tổng công suất của các dự án đã đi vào hoạt động		
	- Điện từ năng lượng mặt trời.		
	+ Tổng số dự án và tổng công suất đăng ký		
	+ Tổng số dự án và tổng công suất của các dự án đã đi vào hoạt động		
	- Điện từ sinh khối		
	+ Tổng số dự án và tổng công suất đăng ký		
	+ Tổng số dự án và tổng công suất của các dự án đã đi vào hoạt động		
C	**về bảo vệ môi trường**		
1)	**Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường**		
	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá tác động môi trường		
	- Số lượng, tỷ lệ % báo cáo ĐTM được phê duyệt qua các năm		
	- Số lượng, tỷ lệ % dự án được kiểm tra, xác nhận tuân thủ báo cáo ĐTM trước khi cho phép vận hành		
	- Số lượng, tỷ lệ % cơ sở thực hiện nghiêm túc các cam kết trong báo cáo ĐTM qua các năm		
	Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trương		
	- Tỷ lệ các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu (%)		
	- Tỷ lệ cụm công nghiệp (CCN) có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt yêu cầu (%)		
	- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (%)		
	Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao		
	- Số trạm quan trắc môi trường không khí tự động tại các đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao		
	- Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép (%)		
	Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp		
	- Tỷ lệ số điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu được xử lý theo Quyết định 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 (%)		Không có
	- Tỷ lệ % xã đạt tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm (%)		Không có
	- Tỷ lệ % xã đạt tiêu chí nông thôn mới		
	- Lượng phân bón hóa học được sử dụng qua các năm trên 1 ha đất canh tác nông nghiệp (kg/ha)		
	- Lượng thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng trên 1 ha đất canh tác nông nghiệp (kg/ha)		
	Ngăn chặn việc đưa công nghệ lạc hậu, máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu không đảm bảo yêu cầu về môi trường từ bên ngoài vào nước ta.		

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	2022 (hoặc năm gần nhất)
	- Số lượng, tỷ lệ % dự án đầu tư bị từ chối do có công nghệ lạc hậu, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu BVMT		
	- Tỷ lệ % cơ sở sản xuất kinh doanh có trình độ công nghệ tiên tiến		
	Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải		
	-Tỷ lệ bệnh viện có hệ thống xử lý nước thải đạt yêu cầu (%)		100%
	Tập trung xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.		
	- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom (%)		70%
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (%)		70 %
	- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh (%)		Chưa có
	- Tỷ lệ % chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt yêu cầu về môi trường		Chưa có
	- Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý (%)		100 %
	- Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom (%)		20%
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ so với tổng lượng phát sinh được thu gom (%)		
	Phát triển ngành kinh tế môi trường trên cơ sở ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải		
	- Số lượng doanh nghiệp dịch vụ môi trường tham gia thu gom, xử lý chất thải ở địa phương		08 Hợp tác xã
	Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững		
	- Số lượng, tỷ lệ các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia thu gom, xử lý chất thải rắn.		0
	- Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia đầu tư, sản xuất năng lượng tái tạo		0
2)	***Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khoẻ của nhân dân***		
	Quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân		
	- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch (%)		
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)		96%
	- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (%)		
	Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng		
	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/QĐ-TTg được xử lý.		
	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg được xử lý		
	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh		Không có

TT	Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết	Số liệu	
		2012 (hoặc 2013)	2022 (hoặc năm gần nhất)
	Chú trọng cải tạo những hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông, suối bị ô nhiễm nặng, trước hết ở nơi đầu nguồn		
	- Tỷ lệ diện tích mặt nước ao, hồ, kênh, mương, sông trong đô thị bị ô nhiễm được cải tạo, phục hồi (%)		
	Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản		
	- Số lượng, tỷ lệ dự án khai thác khoáng sản đã thực hiện quy định ký quỹ- đặt cọc về phục hồi môi trường (%)		3/3 đơn vị (100%)
	- Số lượng, tỷ lệ dự án khai thác khoáng sản đã thực hiện phục hồi môi trường sau khai thác (%)		03 đơn vị (100%)
	Chủ trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố lớn.		
	- Tỷ lệ diện tích đất cây xanh bình quân đầu người trong các đô thị, khu dân cư (m2/người)		
	- Tỷ lệ xe buýt công cộng sử dụng nhiên liệu sạch (%)		
	- Thị phần vận tải hành khách công cộng trên tổng nhu cầu đi lại của các khu vực đô thị (%)		
3)	**Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**		
	Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng. Ngăn chặn sự xâm nhập, phát triển của sinh vật ngoại lai xâm hại. Tăng cường quản lý rủi ro từ sinh vật biến đôi gen.		
	Số vụ bắt giữ động vật hoang dã bị buôn bán trái phép		01
	Số lượng động vật hoang dã bị buôn bán trái phép bị bắt giữ (con)		
	Số loài ngoại lai xâm hại (loài)		
	Thực hiện nhiệm vụ cấp bách theo Ket luận 56-KL/TW		
	Tỉnh/TP đã thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa? Tỷ lệ % số hộ đã thực hiện?		
	Số lượng/Tỷ lệ các bãi chôn lấp chất thải ô nhiễm môi trường gây khiếu nại, khiếu kiện của người dân được xử lý		

PHỤ LỤC 3
Kết quả xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài... tuyên truyền trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW

TT	Nội dung tuyên truyền	Tổng số chuyên trang/chuyên mục	Tổng số tin/bài	Tổng số phóng sự
Từ năm 2013 đến nay	- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; - Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; - Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai dịch bệnh. - Các giải pháp để bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên rừng…hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khoẻ nhân dân. - Gương Người tốt việc tốt trong thực hiện các phong trào thi đua về sản xuất nông, lâm nghiệp; tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy rừng và các mô hình nuôi trồng theo hướng sinh học đem lại hiệu quả cao……	10	125	30